

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T TỈNH T
Bản án số: 363/2019/HSST
Ngày: 27/11/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 394 /2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Viết S, sinh 1983; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: SN 56 phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết S1 và bà Phạm Thị C; Vợ là Nguyễn Thị C1 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án: không, Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 14, 15/3/2007 bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H xử 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2019, tạm giam từ ngày 02/9/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại : Ông Trần H, sinh năm: 1943 (Có mặt).

Trú tại: SN 01/39 phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Gia T – Sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: SN 20 TBT, phường S, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00' ngày 16/08/2019, Nguyễn Viết S sau khi chơi game ở quán Internet 50 phố N, phường Đ, thành phố T, S đi bộ đến ngõ số 39 phố N ăn bánh mì, khi

đi qua nhà ông Trần H ở số nhà 01/39 phố N, S phát hiện thấy trong sân nhà dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 36B4- 415.29, ổ khóa đang cắm chìa khóa, trong nhà không có người trông coi. Lợi dụng sơ hở S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên nên vào dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển chiếc xe đến đường Y, phường K, thành phố T, S dừng lại lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Gia T, sinh năm 1988 ở xã L, thành phố T nhờ mang chiếc xe đi cầm cố. T có hỏi S xe của ai, S nói xe mượn của bạn để đi cầm cố mấy hôm. T không biết chiếc xe trên là tài sản do S trộm cắp mà có nên đồng ý đi cầm cố lấy tiền giúp S. Sau đó T rủ bạn là Nguyễn Việt H, sinh năm 1982 ở 28/409 Lê Thánh Tông, phường S, thành phố T cùng mình đi đến nhà anh Nguyễn Quang T1, trú tại 17 Lê Thế Long, phường B, thành phố T cầm cố chiếc xe lấy 10.000.000đ. Sau khi cầm cố T đưa cả 10.000.000đ cho S, số tiền trên S sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/8/2019 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên S đã đến Công an thành phố T đầu thú.

Ngày 16/8/2019, sau khi phát hiện chiếc xe bị mất, ông Trần H đã lên Công an phường Đ, thành phố T để báo cáo bị trộm cắp chiếc xe máy Honda Lead BKS: 36B4-415.29.

Theo trình bày của ông Trần H chiếc xe Honda Lead BKS: 415.29 ông mua năm 2015 với giá 41.000.000đ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 197/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/8/2019 của Hội đồng giám định tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 36B4-415.29 của ông Trần Hưng tại thời điểm bị S trộm cắp có trị giá là 24.600.000đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)

Ngày 27/8/2019 Gia đình anh Nguyễn Quang T1 đã giao cho Công an thành phố Thanh Hóa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 36B4-415.29, số khung 415XFY012520, số máy JF45E532081. Ngày 30/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần H. Sau khi nhận lại tài sản, ông H không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Khi anh T1 cho T cầm cố chiếc xe máy để vay tiền, anh T1 không biết chiếc xe máy là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Số tiền trên Nguyễn Gia T đã trả cho anh T1 đầy đủ.

Trong vụ án này, Nguyễn Gia T và Nguyễn Việt H không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 36B4-415.29 mà mình đem đi cầm cố hộ là do S phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã nhắc nhở T và H để rút kinh nghiệm.

Tại bản cáo trạng số 366/CT-VKSTPTH ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Nguyễn Viết S về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 10 triệu đồng anh T1 cho T cầm cố, T đã trả cho anh T1 đầy đủ, T không yêu cầu S phải trả số tiền trên cho T nên công nhận sự tự nguyện của T1 và T.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân : Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Viết S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Khoảng 9^h00’ ngày 16/08/2019, khi đi qua nhà ông Trần H ở số nhà 01/39 phố N, thành phố T, bị cáo phát hiện thấy trong sân nhà dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 36B4- 415.29, ổ khóa đang cắm chìa khóa, trong nhà không có người trông coi. Lợi dụng sơ hở của chủ nhà, bị cáo vào dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển chiếc xe đến đường Y, phường K, thành phố Thanh Hóa, sau đó bị cáo điện thoại gọi cho Nguyễn Gia T, nhờ mang chiếc xe đi cầm cố, nói là xe mượn của bạn để đi cầm cố mấy hôm. T tin lời bị cáo đem xe đi cầm cố được 10.000.000đ, đưa cho bị cáo, bị cáo đã tiêu sài hết số tiền này.

Lời khai nhận tội của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của bị hại và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ. Với các căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ các dấu

hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất vụ án, nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo năm 2007 đã bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H xử 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, tuy bị cáo đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật nhưng còn chưa lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân và lao động để có thu nhập chính đáng mà còn trộm cắp tài sản của người khác khi có cơ hội để ăn tiêu. Với hành vi và nhân thân của bị cáo cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì bị cáo đã thành khẩn khai báo và ra đầu thú, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe máy bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho bị hại đầy đủ, bị hại không có yêu cầu gì khác nên công nhận phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

Số tiền 10.000.000đ anh Nguyễn Quang T1 cho Nguyễn Gia T vay khi cầm có chiếc xe máy, T đã giao số tiền này cho bị cáo, nhưng sau này T đã trả số tiền trên cho anh T1 và nay T không yêu cầu S phải trả số tiền trên cho T. Đây là sự tự nguyện của T, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật dân sự nên công nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Viết S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết S 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 27/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận trách nhiệm dân sự giữa bị cáo đối với bị hại đã giải quyết xong.

Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Gia T về việc không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.**

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh T;
- VKSND TP T;
- Công an TP T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt